TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:90/2017/HSST
Ngày:23-8-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Ngọc Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Luyến

2. Ông Đỗ Huy Hoàng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Vân - cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm Vụ án hình sự thụ lý số 106/2017/HSST ngày 19 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn N, sinh năm 1985 tại Hải Phòng; ĐKNKTT: Số 59 Lô 10 khu A, phường B, quận I, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số 23/360 Đường D, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; con ông G, sinh năm 1958 và bà K (đã chết); có vợ là L, sinh năm 1990 và 01 con sinh năm 2011; tiền sự: Không; tiền án có 01 tiền án: Án số 144/HSST ngày 06/09/2014, Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xử phạt 15 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng; bị tạm giữ từ ngày 18/04/2017 đến ngày 19/04/2017 chuyển tạm giam; có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1974 tại Hải Phòng; ĐKNKTT và chỗ ở: Số 69D5 Đường M, phường N, quận O, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; con ông P, sinh năm 1939 và bà Q, sinh năm 1947; có vợ R, sinh năm 1976 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 1996; tiền sự: Không; tiền án có 01 tiền án: Án số 320/HSST ngày 30/06/1999 Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 10 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy (chưa xóa án); bị tạm giữ từ ngày 06/04/2017 đến ngày 14/04/2017 chuyển tạm giam; có mặt tại phiên tòa.

3. Đoàn Đức H1, sinh năm 1977 tại Hải Phòng; ĐKNKTT: Số 1/51 Đường T, phường U, quận F, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số 3 Đường V, phường W, quận F, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; con ông: X, sinh năm 1952 và bà Y, sinh năm 1954; có vợ là Z, sinh năm 1982 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con bé nhất sinh 2014; tiền án: Không; tiền sự có 02 tiền sự:

Ngày 03/07/2016 Ủy ban nhân dân phường W xử phạt hành chính về hành vi gây tổn hại sức khỏe cho người khác.

Ngày 16/12/2016 Ủy ban nhân dân phường AA xử phạt hành chính về hành vi cố ý gây thương tích.

Bị tạm giữ từ ngày 06/04/2017 đến ngày 14/04/2017 chuyển tạm giam; có mặt tại phiên tòa.

4. Vũ Tiến C, sinh năm 1980 tại Hải Phòng; ĐKNKTT và chỗ ở: Số 2/17/17 Đường AB, phường AC, quận I, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; con ông AD, sinh năm 1948 và bà AE, sinh năm 1954; có vợ là AF, sinh năm 1981 và 05 con, lớn nhất sinh năm 1999, bé nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 11/04/2017 đến ngày 14/04/2017 chuyển tạm giam; có mặt tại phiên tòa.

5. Trương Công S, sinh năm 1988 tại Hải Phòng; ĐKNKTT và chỗ ở: Số 67 Đường AG, phường AH, quận AI, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; con ông AJ, sinh năm 1956 và bà AK, sinh năm 1963; có vợ AL, sinh năm 1994 và 02 con, lớn sinh năm 2012; bé sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 06/04/2017 đến ngày 14/04/2017 chuyển tạm giam; có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Năm 2004, Phạm Văn N được một đối tượng tên AM (không rõ lai lịch địa chỉ) cho một khẩu súng Colt tự chế. N đã cất giữ khẩu súng tại bếp nhà N. Đến đầu tháng 03/2017, N mang khẩu súng đến nhà Trương Công S nhờ S bán lấy tiền tiêu. Sau khi xem súng, S đồng ý và gọi điện cho Đoàn Đức H1 nói N có khẩu súng muốn bán. H1 bảo S, N mang súng đến cho H1 xem. S đưa súng cho N cất vào túi quần N. N dùng xe máy chở S đến nhà H1 ở số 3 đường Nguyễn Bình, phường W, quân F, thành phố Hải Phòng. Tại nhà H1, N bỏ súng ra bóp cò cho H1 xem, N và S nói giá bán súng là 2.000.000 đồng. H1 xem súng, thấy súng hoạt động bình thường nhưng hình thức không được đẹp nên trả 1.000.000 đồng. N đồng ý bán, giao súng cho H1 và nhận tiền. Trên đường về, N cho S 20.000 đồng. Sau khi mua được súng, H1 để súng ở nhà đến giữa tháng 3/2017, H1 có khoe với Nguyễn Mạnh H và nói chuyện với AN bạn của H1 (không biết lai lịch địa chỉ) về

việc mua khẩu súng Colt tự chế. H1 được AN cho 03 viên đạn thể thao. Sau đó, H gọi điện cho H1 nói có khách mua súng, nếu bán được tiền chia đôi. H1 đồng ý và bảo H để H1 mang súng cho Vũ Tiến C sửa lại cho đẹp rồi mới bán. Ngay sau đó, H1 mang khẩu súng và một viên đạn đưa cho Vũ Tiến C chỉnh sửa. Quá trình sửa súng tại nhà C, H và H1 đã đến xem C sửa chữa và chụp ảnh khẩu súng nên C biết rõ việc H1 sửa súng để bán cho khách. C giữ khẩu súng tại nhà để chỉnh sửa từ giữa tháng 3/2017 đến ngày 04/4/2017 thì xong. H1 trả C 1.000.000 đồng tiền công rồi mang khẩu súng và viên đạn đến nhà Nguyễn Mạnh H giao cho H vào lúc 21 giờ ngày 04/04/2017. Khoảng 12 giờ trưa ngày 05/04/2017, H1 đến nhà H đưa tiếp cho H 02 viên đạn thể thao. H sơn lại khẩu súng cho đẹp. Đến 21giờ 30’ ngày 05/4/2017, H cho khẩu súng vào túi xách mang đến nhà hàng 302 đường Văn Cao để chờ bán cho khách thì bị Cơ quan Công an bắt quả tang, thu giữ khẩu súng Colt tự chế và 03 viên đạn trên.

Tại kết luận giám định số 1686/C54(P3) ngày 11/04/2017 của Viện khoa học Tổng cục Cảnh sát đã xác định khẩu súng thu giữ trong túi của Nguyễn Mạnh H là súng tự chế kiểu ổ quay, sử dụng bắn đạn cỡ 5,6mm, có tính năng tác dụng tương tự vũ khí quân dụng thuộc vũ khí quân dụng; 03 viên đạn thu giữ không thuộc vũ khí quân dụng.

Tại bản cáo trạng số 105/CT- P1 ngày 18 tháng 7 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo Phạm Văn N, Đoàn Đức H1, Nguyễn Mạnh H,Vũ Tiến C về tội "Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng" theo khoản 1 Điều 230 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trương Công S về tội "Mua bán trái phép vũ khí quân dụng" theo khoản 1 Điều 230 Bộ luật Hình sự .

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã nêu và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 230; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

1. Phạm Văn N: Từ 30 đến 36 tháng tù.

2. Nguyễn Mạnh H: Từ 30 đến 36 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 230; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

3. Đoàn Đức H1: Từ 24 đến 30 tháng tù.

4. Vũ Tiến C: Từ 15 đến 18 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 230; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

5. Trương Công S: Từ 12 đến 15 tháng tù

Về thu lợi bất chính: Buộc các bị cáo Phạm Văn N, Trương Công S, Vũ Tiến C phải nộp lại số tiền đã thu lợi bất chính, cụ thể: Phạm Văn N 980.000 đồng, Trương Công S 20.000 đồng, Vũ Tiến C 1.000.000 đồng.

Về vật chứng: Đề nghị giao 01 khẩu súng Colt xoay tự chế cho Bộ chỉ huy quân sự thành phố Hải Phòng xử lý theo thẩm quyền. Các vật chứng khác không còn giá trị sử dụng, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, lời khai của những người làm chứng, phù hợp với Kết luận giám định, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Năm 2004 Phạm Văn N được bạn cho 01 khẩu súng Colt tự chế. Bị cáo cất giữ đến đầu tháng 3/2017 đem bán cho Đoàn Đức H1 với giá 1.000.000 đồng. Đoàn Đức H1 đã cất giấu khẩu súng ở nhà đến giữa tháng 3/2017 thì nói cho Nguyễn Mạnh H biết. H nói có khách cần mua súng nên H1 mang súng đến đưa cho Vũ Tiến C sửa để bán. C biết rõ H1 sửa súng để bán nhưng vì hám lời C vẫn làm. C giữ khẩu súng tại nhà từ giữa tháng 3/2017 đến ngày 04/4/2017 sửa xong giao lại cho H1, được H1 trả công 1.000.000 đồng. Sau khi nhận súng từ C, H1 mang đến nhà Nguyễn Mạnh H giao ngay cho H. Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 05/4/2017 H mang khẩu súng đến nhà hàng 302 Văn Cao để chờ bán cho khách thì bị bắt quả tang.

Bị cáo Trương Công S khi được N nhờ bán giúp khẩu súng. S đã đồng ý và cùng N mang súng đến bán cho H1 với giá 1.000.000 đồng, được N cho 20.000 đồng.

Theo Kết luận giám định thì khẩu súng trên là súng tự chế kiểu ổ quay có tính năng tác dụng tương tự vũ khí quân dụng, thuộc vũ khí quân dụng.

Như vậy, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Phạm Văn N, Đoàn Đức H1, Nguyễn Mạnh H, Vũ Tiến C đồng phạm tội "Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng" theo Điều 230 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trương Công S phạm tội " Mua bán trái phép vũ khí quân dụng" theo Điều 230 Bộ luật Hình sự.

Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến chính sách quản lý vũ khí quân dụng của Nhà nước ta, mà còn gây mất trật tự trị an, an toàn công cộng ở địa phương. Đây là nguyên nhân dẫn đến các tội phạm đặc biệt nghiêm trọng khác. Vì vậy, cần phải xét xử nghiêm để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi của các bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng nên chỉ bị xét xử theo khoản 1 Điều 230 Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt:

Trong vụ án này 04 bị cáo Phạm Văn N, Nguyễn Mạnh H, Đoàn Đức H1, Vũ Tiến C đều thực hiện 02 hành vi tàng trữ và mua bán trái phép vũ khí quân dụng, trong đó Phạm Văn N, Nguyễn Mạnh H, Đoàn Đức H1 trực tiếp thực hiện hành vi mua bán nên có vai trò cao nhất, bị cáo Vũ Tiến C tham gia giúp sức cho H1, H trong việc mua bán trái phép vũ khí quân dụng nên bị cáo có vai trò thấp hơn.

Phạm Văn N và Nguyễn Mạnh H nhân thân đều có 01 tiền án chưa được xóa án tích, lần phạm tội này là tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đoàn Đức H1 nhân thân có 02 tiền sự chưa được xóa; bị cáo Vũ Tiến C nhân thân có 01 tiền án, mặc dù đã được xóa nhưng vẫn bị coi là người có nhân thân không tốt.

Sau khi phạm tội các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự; bị cáo H1, C ra đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo N khai có bố đẻ được tặng thưởng huân chương chiến sĩ vẻ vang, bị cáo H khai có bố mẹ đẻ đều được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng 3; bị cáo C khai có bố đẻ được tặng thưởng huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất. Tuy nhiên, trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án chỉ có bị cáo N và bị cáo H xuất trình được tài liệu chứng minh có bố, mẹ là người có công với cách mạng nên Hội đồng xét xử cho bị cáo N và bị cáo H được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo S chỉ thực hiện hành vi mua bán trái phép vũ khí quân dụng với vai trò giúp sức cho N, được hưởng lợi bất chính 20.000 đồng. Nhân thân bị cáo không có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo cần xử các bị cáo N, H mức án cao hơn các bị cáo H1, C và đều trên mức khởi điểm của khung hình phạt. Bị cáo S vai trò phạm tội có mức độ, có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự nên cần xử bị cáo mức án khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

- Về thu lợi bất chính: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo N, S, C đều thừa nhận trong quá trình mua bán trái phép vũ khí quân dụng, các bị cáo đã thu lợi bất chính được tổng số tiền 2.000.000 đồng, trong đó: Bị cáo Phạm Văn N thu lợi

980.000 đồng, bị cáo Trương Công S thu lợi 20.000 đồng, bị cáo Vũ Tiến C thu lợi 1.000.000 đồng nên buộc các bị cáo phải nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

- Về vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ: 01 khẩu súng Colt xoay tự chế bằng kim loại màu đen, 01 túi xách của bị cáo H; 01 máy mài, 01 máy khoan, 01 búa, 01 kìm điện, 01 dũa bằng kim loại của bị cáo C.

Xét: 01 khẩu súng Colt xoay tự chế bằng kim loại là vũ khí quân dụng nên cần giao cho Bộ chỉ huy quân sự thành phố Hải Phòng xử lý theo thẩm quyền; các vật chứng thu giữ của bị cáo H, C, tại phiên tòa các bị cáo khai đều sử dụng vào việc phạm tội và hiện tại số vật chứng đó đã cũ, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Các bị cáo phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn N, Đoàn Đức H1, Nguyễn Mạnh H, Vũ Tiến C phạm tội "Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng"; bị cáo Trương Công S phạm tội "Mua bán trái phép vũ khí quân dụng"

- Áp dụng khoản 1 Điều 230; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự đối với Phạm Văn N, Nguyễn Mạnh H

- Áp dụng khoản 1 Điều 230; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự đối với Đoàn Đức H1, Vũ Tiến C

- Áp dụng khoản 1 Điều 230; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự đối với Trương Công S, xử phạt:

Phạm Văn N: 27 (hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 18/4/2017.

Nguyễn Mạnh H: 27 (hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 06/4/2017.

Đoàn Đức H1: 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 06/4/2017.

Vũ Tiến C: 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 11/4/2017.

Trương Công S: 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 06/4/2017.

2. Về số tiền thu lợi bất chính: Buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước. Cụ thể:

Bị cáo Phạm Văn N: 980.000 đồng (chín trăm tám mươi nghìn đồng);

Bị cáo Trương Công S: 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng);

Bị cáo Vũ Tiến C: 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự .

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 túi xách da màu nâu sẫm hình chữ nhật có dây đeo chéo đã qua sử dụng; 01 máy mài màu sơn xanh kí hiệu Mahita đã qua sử dụng; 01 máy khoan màu sơn xanh, kí hiệu Bosih đã qua sử dụng; 01 búa bằng kim loại dài khoảng 25cm; 01 kìm điện dài khoảng 15 cm, tay cầm bằng nhựa màu đỏ; 01 dũa bằng kim loại dài khoảng 40 cm, cán bằng gỗ.

- Giao cho Bộ chỉ huy quân sự thành phố Hải Phòng xử lý theo thẩm quyền: 01 khẩu súng Colt xoay tự chế bằng kim loại màu đen dài khoảng 10cm.

(Đặc điểm chi tiết thể hiện tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 14/7/2017 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng)

4. **Về án phí**: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. **Về quyền kháng cáo**: Các bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV 27; Trại tạm giam CATPHP;
- Cục thi hành án Dân sự TPHP;
- Phòng KTNV & THA;
- Sở tư pháp TPHP;
- Bị cáo;
- Lưu: HS; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Phương